

Số: 14/2024/QĐST-DS

Đại Từ, ngày 26 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024;

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Chị Đồng Thị T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: **Số C, ngõ B T, quận Đ, thành phố Hà Nội**

- Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1963

Địa chỉ: **TDP Á, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên**

+ Bị đơn: **Bà Lê Thị C**, sinh năm 1953

Địa chỉ: **TDP S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**

- Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Vũ Đức D**, sinh năm 1982

Địa chỉ: **Xóm X, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Cồ Khắc N**, sinh năm 1987

Địa chỉ: **Số C, ngõ B T, quận Đ, thành phố Hà Nội**

- Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1963

Địa chỉ: **TDP Á, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên**

- **Phòng C1** tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: **Số A đường T, phường C, TP ., tỉnh Thái Nguyên**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Q** – Phó trưởng phòng phụ trách

- Ông **Âu Văn Đ**, sinh năm 1964 - Nguyên Phó trưởng phòng, Công chứng viên của **Phòng C1** tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: **Tổ H, phường T, TP ., tỉnh Thái Nguyên.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng: 216, quyền số 01/2023 TP/ CC-SCC/HĐGD lập ngày 23/06/2023 tại **Phòng C1** tỉnh Thái Nguyên giữa chị **Đông Thị T** và bà **Lê Thị C**.

2.2. Bà **Lê Thị C** có nghĩa vụ trả cho bà **Lê Thị Hằng s** tiền 2.776.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm bảy mươi sáu triệu đồng) gồm 2.200.000.000 đồng tiền gốc, 300.000.000 đồng tiền lãi của khoản nợ gốc 1.000.000.000 đồng tính đến ngày 23/6/2023 và 276.000.000 đồng tiền lãi của khoản nợ gốc 2.200.000.000 đồng từ ngày 23/6/2023 cho đến ngày 18/7/2024. Thời điểm bà **C** hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho bà **H** khoản tiền 2.776.000.000 đồng chậm nhất vào ngày 01/10/2024 (dương lịch).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Bà **Lê Thị H** có nghĩa vụ trả cho bà **Lê Thị C** bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 469269 do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T** cấp ngày 13/9/2019 mang tên bà **Lê Thị C** khi bà **C** đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho bà **Lê Thị H**.

2.4. Về án phí: Bà **Lê Thị H** và bà **Lê Thị C** là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị **T** được hoàn lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005382 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Đại Từ;
- VKSND tỉnh TN;
- TAND tỉnh TN;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị An